

Số: 618/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu C2
tỷ lệ 1/2000, Khu đô thị trung tâm thị xã Phúc Yên tại thị xã Phúc Yên
và một phần đất đai thuộc huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số ngày 10/7/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng của Chính phủ; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1883/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 2730/BXD-QHKT ngày 28/10/2014 của Bộ Xây dựng thoả thuận các đồ án QHPK C2 và C3 theo QHCXD đô thị Vĩnh Phúc,

Căn cứ Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu C2 tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị trung tâm thị xã Phúc Yên tại thị xã Phúc Yên và một phần đất đai thuộc huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; Thông báo số 87/TB-UBND ngày 02/6/2014 Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về đồ án QHPK A2 và C2 theo quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4153/TTr-SXD ngày 16/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phân khu (QHPK) tỷ lệ 1/2000, gồm những nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu C2 tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị trung tâm thị xã Phúc Yên tại thị xã Phúc Yên và một phần đất đai thuộc huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Vĩnh Phúc.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Liên danh tư vấn A.L.A-DPZ giữa Công ty CP tư vấn đầu tư A.L.A (đứng đầu liên danh) với Công ty DPZ ASIA SDN BHD (Malaysia) thực hiện

3. Phạm vi, quy mô quy hoạch:

3.1. Phạm vi:

- Địa điểm: Tại các xã Đạo Đức, Sơn Lôi – huyện Bình Xuyên; các phường Hùng Vương, Phúc Thắng, Trung Trắc, Trung Nhị và xã Tiên Châu, Nam Viêm – thị xã Phúc Yên.

- Phạm vi: Nằm trong phạm vi QHCXD đô thị Vĩnh Phúc, cụ thể:

+ Phía Đông giáp sông Cà Lồ (ranh giới thành phố Hà Nội);

+ Phía Tây giáp các xã Đạo Đức, Sơn Lôi (khu vực lập QHPK C1);

+ Phía Nam giáp xã Kim Hoa, Thanh Lâm, Tiến Thắng – huyện Mê Linh thành phố Hà Nội;

+ Phía Bắc giáp đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai (khu vực lập đồ án quy hoạch phân khu C3);

3.2. Quy mô:

- Tổng diện tích lập quy hoạch: 1940,0ha.

- Quy mô dân số: Khoảng 85.000 người (trong đó dân số hiện trạng khoảng 47.000 người, dân số phát triển mới khoảng 38.000 người).

4. Tính chất:

Là một phân khu thuộc đô thị Vĩnh Phúc, gắn với các chức năng về chính trị, giáo dục đào tạo, khu công nghiệp, có hạ tầng cơ sở tối thiểu đáp ứng yêu cầu đô thị loại I, có môi trường và không gian kiến trúc cảnh quan tiêu biểu cho đô thị xanh năng động, chất lượng cao. Là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, thương mại, nhà ở và các trung tâm chuyên ngành của Phúc Yên và của vùng tam giác tăng trưởng Hà Nội, Vĩnh Phúc và Bắc Ninh; là đô thị xanh cửa ngõ kết nối phía đông của Tỉnh Vĩnh Phúc với Hà Nội và các tỉnh xung quanh.

5. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật:

- Tiêu chuẩn thiết kế: Đô thị loại I (theo QHCXD đô thị Vĩnh Phúc);

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: Tuân thủ quy chuẩn quy hoạch xây dựng và quy chuẩn hạ tầng kỹ thuật đô thị Việt Nam hiện hành.

6. Nội dung quy hoạch:

6.1. Cơ cấu phân khu phát triển:

Toàn phân khu C2 được cơ cấu thành 05 phân khu quy hoạch phát triển, 03 phân khu phát triển nhà ở, công trình công cộng; 01 phân khu phát triển công nghiệp và kho tàng, 01 phân khu phát triển nông nghiệp đô thị. Cụ thể:

- Phân khu I: Vị trí tại phía tây bắc khu vực quy hoạch; diện tích tự nhiên 354,99 ha; chức năng chính là khu trung tâm công cộng, nhà ở và cây xanh đô thị.

- Phân khu II: Vị trí tại phía tây nam khu vực quy hoạch; diện tích tự nhiên 331,34 ha; chức năng chính là khu nông nghiệp đô thị (dự trữ phát triển đô thị) và khu ở đô thị.

- Phân khu III: Vị trí trung tâm khu vực quy hoạch; diện tích tự nhiên 283,79 ha; chức năng chính là khu trung tâm công cộng, khu ở mật độ cao.

- Phân khu IV: Vị trí tại phía đông bắc khu vực quy hoạch; diện tích tự nhiên 343,72 ha; chức năng chính là khu công nghiệp, khu ở mật độ cao.

- Phân khu V: Vị trí tại phía nam khu vực quy hoạch; diện tích tự nhiên 626,17 ha; chức năng chính là trung tâm công cộng, khu ở mật độ cao và nhà máy sản xuất công nghiệp.

6.2. Cơ cấu sử dụng đất đai:

- Chi tiết sử dụng đất chức năng:

+ Đất công trình công cộng: Tổng diện tích 143,33ha, gồm: Các lô đất hành chính kí hiệu hiệu CQ, đất dịch vụ công cộng kí hiệu CC, đất trường học kí hiệu TH, đất dịch vụ thương mại tổng hợp kí hiệu TM, đất công trình hỗn hợp kí hiệu HH. Mật độ xây dựng gộp tại các lô đất công cộng trung bình 40%, chiều cao công trình trung bình 1 đến 5 tầng.

+ Đất cây xanh - TDTT: Tổng diện tích 165,95ha, gồm các lô đất kí hiệu từ CX; mật độ xây dựng công trình trong các khu cây xanh vườn hoa trung bình 5%, tầng cao trung bình 1 đến 3 tầng; mật độ xây dựng gộp trong các lô đất công trình thể dục thể thao trung bình 40%, chiều cao công trình trung bình từ 1 đến 3 tầng.

+ Đất khu ở: Tổng diện tích 598,80ha, gồm: Các lô đất ở hiện có kí hiệu H, các lô đất ở quy hoạch mới kí hiệu M; mật độ xây dựng gộp trung bình 50% đến 70%, chiều cao công trình trung bình từ 3 tầng đến 7 tầng. Bố trí các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trong các khu nhà ở mới và bố trí các khu nhà ở tái định cư tại các khu vực đất ở thấp tầng trên nguyên tắc phù hợp thực tiễn của địa phương.

+ Đất y tế, giáo dục đào tạo ngoài đơn vị ở: Tổng diện tích 45,39ha, gồm các lô đất y tế, bệnh viện kí hiệu YT, đất cơ sở giáo dục đào tạo kí hiệu TH. Mật độ xây dựng gộp tại các lô đất trung bình 40%, chiều cao công trình trung bình 1 đến 5 tầng.

+ Đất tôn giáo, tín ngưỡng tổng diện tích 8,13ha tại các lô đất kí hiệu TG.

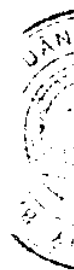
+ Đất công nghiệp, kho tàng bến bãi: Tổng diện tích 343,40ha, gồm các lô ký hiệu từ CN, SX. Mật độ xây dựng gộp tại các lô đất tối đa 60%, chiều cao công trình trung bình từ 1 đến 3 tầng.

+ Đất nông nghiệp đô thị (dự trữ phát triển đô thị): Tổng diện tích 118,56ha, tại các lô đất kí hiệu DT.

+ Đất khác: Đất an ninh quốc phòng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất tôn giáo tín ngưỡng, đất đầu mối kỹ thuật, đất giao thông, đất mặt nước, cây xanh cách lý, cây xanh chuyên dùng,...có tổng diện tích 305,53ha.

- Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
I	Đất khu dân dụng	1.118,99	57,62
1	Đất phục vụ công cộng	143,33	
1.1	Đất hành chính, cơ quan	15,84	
1.2	Đất công trình công cộng	39,72	
1.3	Đất dịch vụ thương mại tổng hợp	42,21	



1.4	Đất công cộng đơn vị ở	45,56	
2	Đất cây xanh - TDTT	165,95	
3	Đất khu ở	598,80	
3.1	Đất khu ở hiện hữu	342,19	
3.2	Đất khu ở quy hoạch mới	256,61	
4	Đất giao thông đối nội	210,91	
II	Đất ngoài khu dân dụng	821,01	42,38
1	Đất y tế, giáo dục đào tạo ngoài đơn vị ở	45,39	
2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	8,13	
3	Đất công nghiệp, kho tàng bến bãi	343,40	
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	14,16	
5	Đất cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly	111,10	
6	Đất nông nghiệp đô thị (dự trữ phát triển đô thị)	118,56	
7	Đất mặt nước (kênh, mương)	53,53	
8	Đất giao thông đối ngoại, đầu mối kỹ thuật	126,74	
	Tổng cộng	1.940,00	100

6.3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

- Nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: Tổ chức mạng giao thông theo dạng mạch vòng, tổ chức liên kết các khu chức năng và các dự án khu đô thị theo tuyến đường liên khu vực. Kết nối từ Đông sang Tây bằng hai tuyến đường chính, về phía Bắc là tuyến cao tốc Hà Nội – Lào Cai, đi qua thị xã Phúc Yên là tuyến quốc lộ 2; Kết nối trục Bắc – Nam bằng tuyến đường liên khu vực liên kết các khu vực chức năng. Khu vực hiện hữu nằm tại các phường thuộc thị xã Phúc Yên và nằm về phía Nam đường Quốc lộ 2, liên kết với khu vực chức năng được quy hoạch mới qua dự án đường Tiên Châu đi Nam Viêm. Trong khu vực phân khu C2 có tuyến đường sắt hiện hữu và tuyến đường sắt quốc gia Hà Nội – Lào Cai kết nối khu công nghiệp cửa ngõ phía Đông – Nam qua khu dân cư hiện hữu tới khu trung tâm mới (T.O.D) và đi Lào Cai; tạo động lực phát triển cho khu vực. Hệ thống phát triển khu ở mới chủ yếu phát triển về phía Tây của khu vực, vì ở đây có quỹ đất lớn có thể phát triển các khu trung tâm và khu ở mới. Theo định hướng quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc, công viên cây xanh nằm tại phía Tây – Bắc có quy mô khoảng 150ha, hệ thống công viên cây xanh được bố trí tại mỗi đơn vị ở, đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong khu vực. Hệ thống cây xanh cảnh quan ven sông Cà Lô và khu vực hồ Đàm Diệu được cải tạo chỉnh trang và quy hoạch thành nê-m xanh kết nối các khu vực, tạo sự liên kết liên hoàn giữa các khu vực chức năng trong đô thị.

Thực hiện nguyên tắc thiết kế của mô hình TOD, Đơn vị ở TND và đô thị xanh, tạo nên sự linh hoạt về mật độ và hình khối trong Phân khu C2 nhưng phải đảm bảo yêu cầu tổng thể về không gian kiến trúc, sử dụng đất toàn khu vực. Tạo ra các đường phố khàng trang và các không gian công cộng với tầng cao và mật độ xây dựng công trình được nhấn mạnh để tạo không gian chủ đạo cho đô thị. Bó

trí các chức năng công cộng quan trọng dọc trên các tuyến đường lớn để tận dụng lợi thế của khu đất. Nhấn mạnh các khu nhà ở đa chức năng và thương mại dọc theo các đường phố lớn phù hợp với hình thức phát triển xây dựng của khu vực. Tạo nên các không gian đi bộ xuyên qua các khu chức năng để gắn kết các khu bảo tồn với vùng cảnh quan trong đô thị.

Sử dụng tổ hợp công trình dịch vụ thương mại, công cộng... để nhấn mạnh các khu vực tạo điểm nhấn quan trọng trong toàn khu. Tăng cường các góc nhìn quan trọng từ các khu vực cảnh quan tự nhiên, cây xanh và mặt nước tới các khu chức năng quan trọng của đô thị. Thiết lập một hệ thống không gian mở rõ ràng với sự phân cấp theo thứ bậc về quy mô xây dựng và chức năng sử dụng. Tăng cường đặc trưng kiến trúc truyền thống, tạo dựng các khu vực sử dụng kiến trúc địa phương, vườn cây, ao nước... Tạo tính dẫn hướng đến các công trình quan trọng như công trình văn hóa, công trình dịch vụ thương mại, các trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Thiết kế hệ thống giao thông, các điểm không chế giao cắt: Sử dụng và phân tầng bậc các đường giao thông khu vực, các đường đối ngoại, các đường gom và nội khu. Trên nguyên tắc đảm bảo bước đường từ 400- 500 m cho hệ đường gom hay đường liên khu vực và 100-200 m đường nội khu. Các đường liên khu- đường gom cần được thiết kế tuân thủ theo nguyên tắc 500 m một đường nhánh để đảm bảo tốc độ ưu tiên giành đầy đủ quỹ đất để phát triển các loại giao thông công cộng hoặc cá nhân thân thiện môi trường về sau này. Các đường quốc lộ tỉnh lộ và cao tốc với các đường chính khu vực khác cần ưu tiên thiết kế khác cốt. Thiết kế các đường đi bộ và xe đạp an toàn và dễ sử dụng, bố trí các cầu, hầm đi bộ và xe đạp hợp lý trong đô thị.

Thiết kế hệ thống hướng nhìn, điểm nhìn: Tôn trọng các điểm nhìn và hướng nhìn tới các điểm cao của thị xã là nơi đã đặt các khu vực tâm linh của thành phố.

Thiết kế chỉnh trang làng xóm hiện hữu: Chỉnh trang làng xóm cũ theo nguyên tắc tái điều chỉnh đất đai. Giảm bớt dân giảm mật độ xây dựng trong các khu làng xóm cũ tập trung dành đất để xây dựng các khu công cộng như công viên vườn hoa, các hạ tầng dịch vụ công cộng.

Thiết kế cải tạo chỉnh trang các trục đường: Thiết kế đô thị một loạt các trục đường theo nguyên tắc tái điều chỉnh, chú ý mở rộng vỉa hè và các tiện ích đường phố cho người đi bộ và xe đạp. Tạo cảnh quan đường phố bằng cách tăng thêm cây, chú ý các màu sắc của đường phố cảnh quan rào, tường nhà. Các đường tỉnh lộ quốc lộ khi đi qua các khu vực phát triển cần đường gom và trồng nhiều hàng cây.

Thiết kế hệ thống cây xanh, mặt nước, không gian mở: Dùng các loại cây địa phương hợp thổ nhưỡng. Tôn trọng các hệ thống hồ tự nhiên tìm cách khai thông các dòng chảy. Kết hợp các ao hồ lớn làm trung tâm của các đơn vị ở và kết hợp không gian công cộng và các công trình nghệ thuật.

6.4. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật khu đất:

- San nền: Thiết kế san nền trên nguyên tắc tận dụng địa hình tự nhiên, đảm bảo không ngập lụt theo tần suất mưa lũ trên cơ sở cao độ không chế của QHCXD đô thị Vĩnh Phúc, phù hợp cao độ xây dựng hiện trạng. Cao độ san nền tối thiểu

trung bình đối với các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật là 9,00m, cao nhất tại vị trí giáp trục đường sắt hiện có 12,5m.

- Thoát nước mưa: Bao gồm 02 lưu vực thoát nước mưa chính, gồm:

+ Lưu vực sông Cà Lồ Cụt phía Tây đường sắt hiện trạng: Chia thành 3 tiểu lưu vực: Phần phía Bắc QL2, bên bờ tả sông Cà Lồ Cụt (lưu vực CLC1) nước tập trung về đầm Rượu sau đó thoát ra sông Cà Lồ Cụt, đề suất xây dựng mới trạm bơm Đầm Rượu để đảm bảo khả năng tiêu nước từ Đầm Rượu ra sông Cà Lồ Cụt. Phần phía Nam QL2 (lưu vực CLC2) nước tập trung về kênh tiêu Tam Báo (Mê Linh - Hà Nội) sau đó được bơm ra sông. Bờ hữu sông Cà Lồ Cụt (lưu vực CLC3) nước mặt tiêu tự chảy theo các kênh rạch ra sông Cà Lồ Cụt.

+ Lưu vực sông Cà Lồ phía Đông đường sắt hiện trạng: Chia thành 2 tiểu lưu vực: phía Bắc quốc lộ 2 (lưu vực CL1) và phía Nam quốc lộ 2 (lưu vực CL2). Khu vực này tiêu tự chảy kết hợp trạm bơm ra sông Cà Lồ.

- Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; sử dụng mạng lưới các cống, rãnh BTCT có đường kính từ D600 đến D1500, hệ thống cống hộp 2000x2000 và hệ thống kênh mương để thu gom thoát nước và cải tạo các kênh ngòi hiện hữu, đảm bảo hành lang thoát nước.

6.5. Quy hoạch mạng lưới giao thông:

- Mạng lưới đường bộ:

+ Mặt cắt A-A (cao tốc Nội Bài - Lào Cai): $B = 33,0m$ (0,75+15,0+1,5+15,0+0,75);

+ Mặt cắt B-B (đường trục chính đô thị Mê Linh): $B = 100,0m$ (13,0+16,5+7,0+9,0+9,0+7,0+16,5+13,0);

+ Mặt cắt C-C : $B = 42,0m$ (4,5+5,5+2,0+7,5+3,0+7,5+2,0+5,5+4,5);

+ Mặt cắt D-D (Quốc lộ 2): $B = 57,0m$ (5,0+7,0+4,0+11,5+2,0+11,5 +4,0+7,0+5,0);

+ Mặt cắt E-E: $B = 53,5m$ (5,0)=11,5+2,0+3,5+9,5+3,5+2,0+11,5+5,0);

+ Mặt cắt 1-1: $B = 47,0m$ (5,0+7,0+2,0+8,0+3,0+8,0+2,0+7,0+5,0);

+ Mặt cắt 1'-1': $B = 45,0m$ (6,0+11,25+10,5+11,25+6,0);

+ Mặt cắt 2-2: $B = 36,0m$ (6,0+10,5+3,0+10,5+6,0);

+ Mặt cắt 3-3: $B = 30,0m$ (5,0+20,0+5,0);

+ Mặt cắt 3'-3': $B = 28,0m$ (5,0+7,5+3,0+7,5+5,0);

+ Mặt cắt 4-4: $B = 24,0m$ (4,0+7,5+1,0+7,5+4,0);

+ Mặt cắt 5-5, mặt cắt 9-9: $B = 24,0m$ (4,5+15,0+4,5);

+ Mặt cắt 6-6: $B = 22,0m$ (5,0+12,0+5,0);

+ Mặt cắt 6'-6': $B = 19,5m$ (4,5+10,5+4,5);

+ Mặt cắt 7-7: $B = 20,5m$ (5,0+10,5+5,0);

+ Mặt cắt 8-8: $B = 13,5m$ (3,0+7,5+3,0);

+ Mặt cắt 10-10: $B = 58,0m$ (5,0+12,0+24,0+12,0+5,0).

- Mạng lưới đường sắt: Tuyến đường sắt Hà Nội – Lào Cai khổ 1035mm hiện có; quy hoạch mới tuyến đường sắt Hà Nội – Lào Cai khổ 1435mm; quy hoạch mới ga đường sắt.

- Mạng lưới giao thông công cộng: Bố trí các tuyến xe buýt trên các trục đường chính của khu vực theo nhu cầu thực tế.

- Hệ thống các bãi đỗ xe: Xây dựng mới các bãi đỗ xe xen kẽ trong các khu cây xanh, phân tán trong các khu ở. Đối với các công trình phục vụ công cộng, khu nhà ở đầu tư xây dựng mới phải đảm bảo đủ bãi đỗ xe theo chỉ tiêu quy định tại khuôn viên của công trình.

- Chi giới đường đỏ, chi giới xây dựng: Khoảng lùi xây dựng công trình so với chi giới đường đỏ được xác định trên nguyên tắc tạo không gian sân vườn, cây xanh phía trước công trình, được xác định cụ thể theo từng tuyến đường và theo đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 được phê duyệt nhưng phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu 6,0m đối với các công trình công cộng, công trình cao tầng tại tất cả các trục đường, tối thiểu 3,0m đối với công trình nhà ở thấp tầng tại các khu nhà ở đầu tư xây dựng mới; đối với các khu dân cư hiện hữu cho phép chi giới xây dựng trùng chi giới đường đỏ.

6.6. Quy hoạch cấp điện:

- Tổng công suất tính toán 49.505KVA.

- Nguồn điện: Từ trạm biến áp trung gian 110/35/22KV Phúc Yên.

- Hệ thống cấp điện: Giữ nguyên tuyến điện cao thế 500K, 220KV hiện nay, đảm bảo khoảng cách ly tới các công trình xây dựng. Cải tạo đường dây và các trạm biến áp sử dụng lưới điện 35KV, 10KV thống nhất về lưới điện 22KV. Dự kiến cải tạo và nâng cấp 32 trạm biến áp và xây dựng mới 11 trạm biến áp. Tổng công suất được nâng lên là 49.900KVA. Lưới điện 22KV khu vực sử dụng cáp lõi đồng bọc cách điện XLPE chống thấm dọc. Kết cấu mạch vòng nhằm đảm bảo an toàn cung cấp điện. Các trạm biến áp trong đô thị sử dụng cấp điện áp 35/22/0,4KV với tổng số dự kiến 76 trạm dung lượng từ 400KVA đến 2x2000KVA. Lưới hạ thế có cấp điện áp 220/380V sử dụng đường dây ba pha 4 dây có trung tính nối đất, cấp từ trạm biến thế đến tủ điện tổng của từng khu nhà ở, từng công trình.

6.7. Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước 24.000(m³/ngày.đêm). Nguồn nước chính được lấy từ nhà máy nước Phúc Yên, trong giai đoạn dài hạn sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước sông Lô cung cấp chung cho đô thị Vĩnh Phúc.

- Mạng lưới công trình cấp nước: Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu dịch vụ theo dạng kết hợp giữa cấp nước sinh hoạt và cứu hỏa. Thiết kế mạng lưới cấp nước phân phối là ống gang có đường kính DN100, DN200 và DN300 và thiết kế tuyến ống truyền dẫn DN400, DN500 đảm bảo cung cấp đủ lưu lượng và áp lực cho khu quy hoạch. Mạng lưới đường ống truyền dẫn và đường ống phân phối được thiết kế là mạng vòng, đảm bảo cấp nước liên tục trong quá trình sử dụng nước. Hệ thống cấp nước cứu hỏa cho khu đô thị là hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp, áp lực tối thiểu tại trụ cứu hỏa là 10m. Khi có cháy xảy ra, xe cứu hỏa của đội cứu hỏa thành phố sẽ lấy nước tại các trụ cứu hỏa dọc đường. Các họng cứu hỏa được đấu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối có đường kính $D \geq 100\text{mm}$ và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho

công tác phòng cháy, chữa cháy. trụ chữa cháy D100- D125 (loại 2 họng – 3 họng). Khoảng cách giữa các họng cứu hoả trên mạng lưới khoảng 100m - 150m.

6.8. Quy hoạch thoát nước thải và VSMT:

- Nước thải: Lưu lượng nước thải tính toán khoảng 22.500 (m³/ng.đ); trong đó nước thải khu công nghiệp khoảng 5.500 (m³/ng.đ).

Khu vực xã Tiên Châu xây dựng các trạm XLNT riêng (theo Quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị mới xã Tiên Châu) công suất khoảng 2.000 m³/ngđ. Lượng thải khu vực thiết kế dự kiến khoảng 13.500 m³/ngđ, chia thành 3 lưu vực thoát nước chính: Lưu vực 1: Phía nam đường quốc lộ 2A tập trung về trạm bơm 1.5, công suất: 8.800 m³/ngđ sau đó chuyển tiếp sang lưu vực 2. Lưu vực 2: Phía bắc quốc lộ 2A và phía nam đường sắt Hà Nội - Lào Cai tập trung về trạm bơm 2.3, công suất: 12.700 m³/ngđ sau đó chuyển tiếp sang lưu vực 3. Lưu vực 3: Phía bắc đường sắt Hà Nội - Lào Cai tập trung về trạm bơm 3.4, công suất: 17.000 m³/ngđ sau đó theo tuyến cống áp lực D500 về trạm xử lý nước thải Phúc Yên.

Các lưu vực được phân chia bằng các trục giao thông chính, hạn chế các điểm kết nối bằng qua các trục giao thông này. Kết hợp thu gom tự chảy và bơm tăng áp để chuyển nước thải về trạm xử lý. Dự kiến bố trí 12 trạm bơm tăng áp trong khu vực thiết kế. Hệ thống thoát nước khu công nghiệp tập trung được thiết kế theo dự án riêng. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn A theo QCVN 14-2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý được xả ra nguồn tiếp nhận, có thể tái sử dụng phục vụ tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hoả.

- Chất thải rắn: Chất thải rắn được phân loại, thu gom, chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của địa phương và một phần được tái sử dụng hoặc tái chế; chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý chất thải nguy hại của vùng theo quy hoạch.

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Hạn chế hình thức hung táng, chôn cất một lần; khuyến khích hình thức hoả táng để tiết kiệm đất đai, bảo vệ môi trường. Từng bước đóng cửa các nghĩa trang hiện hữu và có kế hoạch di chuyển đến các nghĩa trang theo quy hoạch; cải tạo, mở rộng các nghĩa trang hiện có theo quy hoạch.

6.9. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Hệ thống thông tin liên lạc bao gồm điện thoại, đường truyền internet, truyền hình cáp được xây dựng kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Theo định hướng quy hoạch chung, khu vực được cung cấp tín hiệu từ Tổng đài vệ tinh Phúc Yên và Bình Xuyên. Sử dụng tuyến cáp quang dọc tuyến đường chính đô thị cấp đến khu đô thị. Xây dựng mới các tuyến cáp tín hiệu chính tới các khu đất, từ đó phối cấp cho các mạng cáp thuê bao. Dung lượng lắp đặt cáp chính khu vực thiết kế nên sử dụng các loại sau (có thể dùng cáp quang hoặc cáp đồng): 500x2, 400x2, 200x2, 150x2, 100x2, luôn trong ống nhựa xoắn HDPE ϕ 110.

6.10. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

- Môi trường đất: Khai thác, sử dụng đất hợp lý. Phân loại CTR tại nguồn để thuận lợi cho thu gom, phân loại, tái chế, xử lý triệt để CTR phát sinh.

- Môi trường không khí, tiếng ồn: Trồng cây xanh tại các khu đất trống quanh các khu đỗ xe, khu cụm công nghiệp, kho tàng. Đầu tư các trang thiết bị xử lý ô nhiễm ngay khi các cơ sở sản xuất công nghiệp đi vào hoạt động.

- Bảo vệ môi trường nước: Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải để xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Hạn chế khai thác nguồn nước ngầm.

- Giải pháp về quản lý: Dự án đầu tư xây dựng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền thẩm định và giám sát việc thực thi khi hoạt động. Cơ quan quản lý môi trường phối hợp các địa phương, sở ngành liên quan trong việc kiểm tra, giám sát và giải quyết kịp thời những sự cố môi trường. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với chính quyền địa phương, người dân, doanh nghiệp. Gắn trách nhiệm bảo vệ môi trường với các cơ sở kinh doanh, các cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên môi trường. Có biện pháp thu gom và xử lý triệt để lượng CTR phát sinh từ sinh hoạt, sản xuất. Tạo các cơ chế khuyến khích đối với hoạt động giảm thiểu và tái chế CTR.

7. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Được lựa chọn trên cơ sở hình thành bộ khung hạ tầng của khu vực, giải quyết tốt các vấn đề đang tồn tại của khu vực, phù hợp với khả năng kinh tế của đô thị, có thể huy động nhiều nguồn lực thực hiện, có khả năng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực, có giá trị đặc biệt về kiến trúc, cảnh quan, môi trường, đem lại các hiệu quả tốt về xã hội, đầu tư. Các dự án cụ thể gồm:

- Các dự án hạ tầng xã hội: Các dự án công trình văn hoá, y tế, giáo dục phục vụ cộng đồng dân cư hiện hữu;

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 301, đường Quốc lộ 2 – Tiên Châu – Nam Viêm, đường song song đường sắt Hà Nội – Lào Cai, mở rộng Quốc lộ 2C, cải tạo nâng cấp Quốc lộ 23, đường tỉnh 308, xây dựng nút giao giữa đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai với đường Nguyễn Tất Thành; các dự án cấp nước, cấp điện cho các khu dân cư;

- Các dự án phát triển đất và nhà ở: Tập trung thu hút đầu tư xây dựng dự án khu đô thị khu vực Tiên Châu, Hùng Vương, Nam Viêm; dự án nhà ở xã hội; dự án các khu tái định cư trên địa bàn phục vụ giải phóng mặt bằng triển khai các khu công nghiệp;

- Các dự án sản xuất: Thu hút đầu tư và triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN Phúc Yên.

Chi tiết tại hồ sơ đồ án quy hoạch đã được Sở Xây dựng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Xây dựng phối hợp với các địa phương có liên quan tổ chức công bố công khai QHPK C2 tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Trong quá trình quản lý lập QHCT tỷ lệ 1/500, dự án đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch phân khu, Sở Xây dựng và Ban quản lý phát triển đô thị của tỉnh yêu cầu và giám sát các đơn vị lập quy hoạch, dự án đầu tư phải tuân thủ theo QHPK C2 được phê duyệt tại Quyết định này và chịu trách nhiệm toàn bộ về những thiệt hại do không thực hiện đúng quy hoạch phân khu được duyệt.

3. Giao UBND thị xã Phúc Yên, UBND huyện Bình Xuyên quản lý ngay quỹ đất và việc đầu tư xây dựng vị trí 02 bên các trục đường giao thông trên địa bàn mình quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; UBND thị xã Phúc Yên, UBND huyện Bình Xuyên; UBND các xã: Đạo Đức, Sơn Lôi – huyện Bình Xuyên; các phường Hùng Vương, Phúc Thắng, Trưng Trắc, Trưng Nhị và xã Tiên Châu, Nam Viêm – thị xã Phúc Yên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CPCT, CPVP;
- Nơi Điều 3;
- CV: CN1, NCTH;
- Lưu: VT (26 b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang